

Số: 33/2023/CV-A7

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven**
 - Mã chứng khoán: **DL1**
 - Địa chỉ: Lô I3- 6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Điện thoại liên hệ: 028.3736.7187 Fax: 028.3736.7187
 - Email: info@a7group.vn
 - Website: http://www.a7group.vn
2. Nội dung thông tin công bố:
 - Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven công bố thông tin Báo cáo tài chính Riêng lẻ soát xét 06 tháng đầu năm 2023; Báo cáo tài chính Hợp nhất soát xét 06 tháng đầu năm 2023; Công văn giải trình Báo cáo tài chính soát xét 06 tháng đầu năm 2023.
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/08/2023 tại đường dẫn:
 - ⇒ <https://a7group.vn/quan-he-co-dong/bao-cai-tai-chinh.html>
 - ⇒ <https://a7group.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính (hợp nhất) giữa niên độ	06 – 07
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30/06/2023	08 – 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023	12 – 39
7. Phụ lục 01: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	40
8. Phụ lục 02: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	41

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven đã trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 của công ty mẹ là Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven, 02 công ty con và 02 công ty liên kết (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 đã được soát xét của Tập đoàn.

1. Khái quát về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm công ty mẹ là Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và 02 công ty con và 02 công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (tên cũ là Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng tái tạo Việt Nam) là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900437257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 21/12/2007. Công ty chính thức được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 ngày 08 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Vốn điều lệ : 1.062.360.940.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2022 : 1.062.360.940.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DL1.

2. Trữ sở hoạt động**2.1 Trữ sở chính hoạt động**

Địa chỉ : Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (283) 736 7187

Fax : +84 (283) 736 7187

Mã số thuế : 5 9 0 0 4 3 7 2 5 7

2.2 Các chi nhánh**Tên chi nhánh**

Bến xe Gia Lai – Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven

Địa chỉ

43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

2.3 Thông tin về công ty con và công ty liên kết

Thông tin về công ty con trong kỳ như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
1. Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	Lô I3 - 6, đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện điện tử.	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
2. Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (*)	Thôn Quán Thè 1, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	Đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời – Điện gió; Sản xuất truyền tải điện; Khai thác đá, đất sét; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Lắp đặt máy móc công nghiệp, hệ thống điện.	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô B-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

(*) Trở thành công ty con do ông Nguyễn Đình Trạc là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (bổ nhiệm ngày 02/01/2022) đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty.

Thông tin về công ty liên kết trong kỳ như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
1. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	149 – 151 đường 9A KDC Trung Sơn, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh	Bất động sản	49,00	49,00	49,00	49,00	49,00	49,00
2. Công ty CP BOT&BT Đắk Nông	Số 04 Điện Biên Phủ, Tp. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Quản lý khai thác trạm thu phí đường bộ	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%

3. Ngành nghề hoạt động

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Trang trí nội thất;
- Dịch vụ thương mại;
- Xây dựng công trình điện;
- Sản xuất điện gió, điện mặt trời ...;
- Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất, kinh doanh linh kiện điện tử.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**4.1 Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cho đến thời điểm lập Báo cáo (hợp nhất) giữa niên độ này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch	25/06/2023	
Ông Nguyễn Đình Trạc	Phó Chủ tịch	25/06/2023	
Ông Nguyễn Tân Tiến	Thành viên	25/06/2023	
Ông Bùi Minh Đức	Thành viên	25/06/2023	
Ông Phan Đức Hiếu	Thành viên	25/06/2023	
Ông Đặng Công Bình	Thành viên	12/07/2022	10/06/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Tập đoàn cho đến thời điểm lập Báo cáo (hợp nhất) giữa niên độ này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Giang	Trưởng ban	25/06/2023	
Bà Trần Thị Vũ Thuận	Thành viên	25/06/2023	
Bà Hồ Thị Thu Trang	Thành viên	25/06/2023	

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo (hợp nhất) giữa niên độ này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đình Trạc	Tổng Giám đốc	30/06/2021	
Ông Chu Sỹ Hoạt	Phó Giám đốc	06/05/2016	
Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc	14/05/2010	
Bà Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	21/12/2007	

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ này là Ông Nguyễn Đình Trạc – Tổng Giám đốc.

6 Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ từ trang 08 đến trang 41.

7 Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo (hợp nhất) này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 của Tập đoàn.

9 Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023. Trong việc lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ, tình hình hoạt động (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

TM. Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

Tổng Giám đốc

Tp. Thủ Đức, ngày 28 tháng 8 năm 2023.



Số: 2420/23/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2023, từ trang 08 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám Tổng đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (hợp nhất) giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN số: 1512-2023-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		783.035.184.001	715.883.204.508
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	4.135.254.192	15.511.992.832
111	1. Tiền		4.135.254.192	15.511.992.832
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		300.000.000.000	300.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	V.2	300.000.000.000	300.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		446.386.620.082	363.787.198.703
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	53.628.211.574	28.777.758.783
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	2.196.415.500	2.061.250.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5a	341.663.352.372	285.498.674.651
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	53.159.592.777	47.820.065.547
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.7	(4.563.101.863)	(672.700.000)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		302.149.722	302.149.722
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	15.487.767.370	22.277.540.153
141	1. Hàng tồn kho		15.501.942.968	22.291.715.751
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(14.175.598)	(14.175.598)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		17.025.542.357	14.306.472.820
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	2.027.757.732	452.972.565
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		14.997.784.625	13.853.500.255
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.205.939.293.830	2.220.700.909.953
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		617.696.903.723	605.716.659.789
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.5b	474.293.892.180	485.022.457.980
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.6b	143.403.011.543	120.694.201.809
220	II. Tài sản cố định		759.912.889.328	782.890.280.127
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	759.602.738.238	782.556.478.945
222	- Nguyên giá		954.402.990.964	951.986.169.628
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(194.800.252.726)	(169.429.690.683)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	310.151.090	333.801.182
228	- Nguyên giá		589.565.000	589.565.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(279.413.910)	(255.763.818)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.12	-	-
231	- Nguyên giá		1.891.892.974	1.891.892.974
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.891.892.974)	(1.891.892.974)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		60.824.656.478	60.678.502.632
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	60.824.656.478	60.678.502.632
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.14	667.335.752.668	666.018.546.496
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		667.335.752.668	666.018.546.496
	VI. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		100.169.091.633	105.396.920.909
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	29.949.155.882	31.046.075.341
269	2. Lợi thế thương mại	V.15	70.219.935.751	74.350.845.568
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.988.974.477.831	2.936.584.114.461

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, P. Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

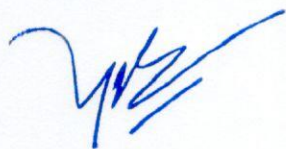
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.619.991.662.520	1.609.615.576.422
310	I. Nợ ngắn hạn		609.359.038.480	598.904.952.382
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	17.439.850.635	24.896.883.672
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.854.935.998	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	9.784.775.246	7.505.981.794
314	4. Phải trả người lao động		1.713.836.459	3.517.488.504
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	53.153.352.400	39.907.969.660
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	3.339.108.495	1.372.299.985
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20a	517.438.510.180	521.069.659.700
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		634.669.067	634.669.067
330	II. Nợ dài hạn		1.010.632.624.040	1.010.710.624.040
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.19b	12.014.000.000	12.092.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20b	998.618.624.040	998.618.624.040
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.368.982.815.311	1.326.968.538.039
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	1.368.982.815.311	1.326.968.538.039
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.062.360.940.000	1.062.360.940.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.062.360.940.000	1.062.360.940.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.049.485.820	1.049.485.820
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		663.498.805	663.498.805
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		148.511.770.860	121.278.789.893
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		121.278.789.893	75.976.783.361
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		27.232.980.967	45.302.006.532
429	5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		156.397.119.826	141.615.823.521
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
	E. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.988.974.477.831	2.936.584.114.461

TP. Thủ Đức, ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Người lập biểu/Kế toán trưởng


HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, P. Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	136.784.593.235	135.126.188.924
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		136.784.593.235	135.126.188.924
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	65.732.223.507	73.100.127.632
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		71.052.369.728	62.026.061.292
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	36.393.049.411	41.995.736.809
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	56.641.240.724	65.359.027.474
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		56.047.927.435	64.243.740.240
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		10.017.206.172	11.588.629.414
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	576.217.841	741.191.786
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	16.676.847.541	10.509.331.877
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		43.568.319.205	39.000.876.378
31	12. Thu nhập khác		-	27.703.742
32	13. Chi phí khác		71.728.831	788.185.449
40	14. Lợi nhuận khác		(71.728.831)	(760.481.707)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.496.590.374	38.240.394.671
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.17	1.482.313.102	276.020.445
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		42.014.277.272	37.964.374.226
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		27.232.980.967	22.888.559.284
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		14.781.296.305	15.075.814.942
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	256	215
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	256	215

TP. Thủ Đức, ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Người lập biểu/Kế toán trưởng


HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, P. Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.17	43.496.590.374	38.240.394.671
	2. Điều chỉnh cho các khoản		44.234.668.640	(28.056.719.192)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.10,11, 12,15	29.525.121.952	(51.277.422.324)
03	- Các khoản dự phòng		3.890.401.863	374.509.120
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền			
04	tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(45.228.782.610)	(41.397.546.228)
06	- Chi phí lãi vay	V.14	56.047.927.435	64.243.740.240
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		87.731.259.014	10.183.675.479
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(75.207.876.589)	(79.127.968.704)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.789.772.783	(5.607.232.105)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu		9.315.789.408	96.433.525.313
	nhập phải nộp)			
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(477.865.708)	(30.512.602.671)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(43.551.489.077)	(52.804.689.022)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.17	(300.000.000)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(15.700.410.169)	(61.435.291.710)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.11, 12	(2.562.975.182)	(484.396.971)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(45.436.111.921)	(260.231.678.253)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	203.173.235.203
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		56.241.213.402	9.731.687.542
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		8.242.126.299	(47.811.152.479)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của		-	-
	doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.21	104.895.730.518	72.089.117.070
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.21	(108.814.185.288)	(80.605.614.552)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.918.454.770)	(8.516.497.482)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(11.376.738.640)	(117.762.941.671)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	15.511.992.832	202.974.708.294
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	4.135.254.192	85.211.766.623

Người lập biên/Kế toán trưởng

(Chữ ký)

HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính



Thủ Đức, ngày 28 tháng 8 năm 2023
TỔNG GIÁM ĐỐC

(Chữ ký)
NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và 02 Công ty con cùng 02 Công ty liên kết (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ vận chuyển hành khách;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ;
- Mua bán đá, phân bón, nông sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán điện năng lượng mặt trời thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Trang trí nội thất;
- Dịch vụ thương mại;
- Xây dựng công trình điện;
- Sản xuất điện gió, điện mặt trời ...;
- Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất linh kiện điện tử.



4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tình hình nắng nóng kéo dài (hiện tượng El Niño) làm gia tăng nhu cầu sử dụng điện trong các tháng mùa hè, dẫn đến doanh thu bán điện mặt trời của Tập đoàn tăng so với cùng kỳ. Tuy nhiên, các đơn hàng xuất khẩu sụt giảm kéo theo doanh thu bán linh kiện điện tử của Tập đoàn giảm so với cùng kỳ, dẫn đến quy mô doanh thu của Tập đoàn tăng nhẹ so với kỳ trước.

6. Các Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất**6.1 Tổng số Công ty con được hợp nhất**

Tổng số công ty con tại ngày 30/06/2023: 02 công ty

Số lượng công ty con được hợp nhất: 02 công ty

Công ty con

Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối kỳ			Tại ngày đầu năm		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ hân sở hữu
1. Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen ("DLG Ansen")	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện điện tử.	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%
2. Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận ("DLG Ninh Thuận") (*)	Sản xuất kinh doanh điện năng lượng mặt trời	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%

(*) Trở thành công ty con do ông Nguyễn Đình Trạc là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (bổ nhiệm ngày 02/01/2022) đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty.

6.2 Tổng số Công ty liên kết

- Tổng số Công ty liên kết tại ngày 30/06/2023: 02 Công ty

- Số lượng các Công ty liên kết được hợp nhất (theo phương pháp vốn chủ sở hữu): 02 Công ty

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối kỳ			Tại ngày đầu năm		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ hân sở hữu
1. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	Bất động sản	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%
2. Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắk Nông	Quản lý khai thác trạm thu phí đường bộ	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 151 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 190 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc vào ngày 30/06/2023.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Báo cáo tài chính (hợp nhất) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con

Công ty con

Công ty con là các đơn vị mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách Kế toán thống nhất với các chính sách Kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán.

Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở đơn vị đó.

Tập đoàn đã áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để trình bày khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Tập đoàn đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 48
Máy móc và thiết bị	10 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4,5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05-08 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Tập đoàn hoặc theo Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Các khoản thuế Tập đoàn tính và nộp ngân sách gồm:

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	578.793.064	685.134.691
Tiền gửi ngân hàng	3.556.461.128	14.826.858.141
Tổng cộng	4.135.254.192	15.511.992.832

(*) Chi tiết Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	2.616.544.878	950.104.146
- Các ngân hàng khác	939.916.250	13.876.753.995
Cộng	3.556.461.128	14.826.858.141

2. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư ngắn hạn vào Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18A/NQ-HĐQT-A7 ngày 23/09/2022.

Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai chưa được giao dịch trên thị trường niêm yết do đó không đủ cơ sở để xác định giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2023.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của các bên liên quan	153.000.000	1.912.770.477
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	153.000.000	136.000.000
- Ansen Electronics Company	-	1.776.770.477
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	53.475.211.574	26.864.988.306
- Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	51.210.804.287	25.097.403.832
- Các đối tượng khác	2.264.407.287	1.767.584.474
Cộng	53.628.211.574	28.777.758.783

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	2.196.415.500	2.061.250.000
- Các đối tượng khác	2.196.415.500	2.061.250.000
Cộng	2.196.415.500	2.061.250.000

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	82.100.000.000	68.800.000.000
- Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long ⁽¹⁾	82.100.000.000	68.800.000.000
Phải thu tổ chức, cá nhân khác	259.563.352.372	216.698.674.651
- Lý Thị Bắc ⁽²⁾	30.517.000.000	26.352.557.733
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai	-	18.765.139.200
- Nguyễn Đương	-	20.800.000.000
- Nguyễn Thị Bích Ngà	-	21.155.184.094
- Mai Xuân Bình ⁽³⁾	71.902.453.084	18.217.399.836
- Trần Thị Quỳnh ⁽⁴⁾	32.650.000.000	17.200.000.000
- Phạm Thị Thanh Loan ⁽⁵⁾	45.293.900.000	16.243.900.000
- Hồ Thị Thu ⁽⁶⁾	78.399.999.288	76.964.493.788
- Các đối tượng khác	800.000.000	1.000.000.000
Cộng	341.663.352.372	285.498.674.651

⁽¹⁾ Là khoản cho Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long vay dài hạn đến hạn thu hồi (xem tại Thuyết minh V.4b), theo các Hợp đồng cho vay có thời hạn cho vay 12 tháng. Lãi suất từ 9% - 12%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng lợi nhuận từ Dự án Đức Long Golden Land do Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long làm chủ đầu tư theo Thỏa thuận số 01/2020/TTĐB-VGL-DLGNT ngày 20/07/2020. Hiện nay, Dự án này chưa được Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long hoàn thành đưa vào sử dụng.

⁽²⁾ Là khoản cho Bà Lý Thị Bắc theo Hợp đồng vay vốn số 03/2023/HĐCT ngày 28 tháng 02 năm 2023, thời hạn 12 tháng, lãi suất 7,2%/năm. Cho vay tín chấp.

⁽³⁾ Là khoản cho ông Mai Xuân Bình mượn tiền theo Hợp đồng mượn tiền số 012023/HĐMT ngày 24/2/2023, số tiền mượn 54.700.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 7%/năm và hợp đồng vay vốn số 07/2022/HĐCT ngày 01 tháng 07 năm 2022, thời hạn 12 tháng, lãi suất 7,2%/năm. Tín chấp.

⁽⁴⁾ Là khoản cho bà Trần Thị Quỳnh vay theo Hợp đồng vay vốn số 022023/HĐVV ngày 02/04/2023, số tiền vay 32.650.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 7%/năm. Tín chấp.

⁽⁵⁾ Là khoản cho Bà Phạm Thị Thanh Loan vay theo Hợp đồng vay vốn số 04/HĐCT ngày 01 tháng 03 năm 2022 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, thời hạn 12 tháng, lãi suất 7,2%/năm. Tín chấp.

⁽⁶⁾ Là khoản cho Bà Hồ Thị Thu vay theo Hợp đồng vay vốn số 08/2022/HĐCT ngày 01 tháng 07 năm 2022, thời hạn 12 tháng, lãi suất 7,2%/năm và hợp đồng vay vốn số 01012022/HĐMT ngày 07/01/2022, số tiền vay 9.580.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 7%/năm. Tín chấp.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	112.900.000.000	112.900.000.000
- Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long ⁽¹⁾	112.900.000.000	112.900.000.000
Phải thu tổ chức, cá nhân khác	361.393.892.180	372.122.457.980
- Công Ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai ⁽²⁾	157.921.434.200	168.650.000.000
- Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai ⁽³⁾	60.700.000.000	60.700.000.000
- Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku ⁽⁴⁾	120.000.000.000	120.000.000.000
- Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên ⁽⁵⁾	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phạm Thị Hiền ⁽⁶⁾	10.000.000.000	10.000.000.000
- Hồ Thị Thu ⁽⁷⁾	2.772.457.980	2.772.457.980
Cộng	474.293.892.180	485.022.457.980

(1) Là khoản cho Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long vay theo các Hợp đồng cho vay có thời hạn 60 tháng. Lãi suất từ 9% - 12%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng lợi nhuận từ Dự án Đức Long Golden Land do Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long làm chủ đầu tư theo Thỏa thuận số 01/2020/TTĐB-VGL-DLGNT ngày 20/07/2020. Hiện nay, Dự án này chưa được Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long hoàn thành đưa vào sử dụng.

(2) Là khoản cho Công Ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai vay theo Hợp đồng vay vốn số 119/2020/HĐCT ngày 18 tháng 3 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 9%/năm. Tín chấp.

(3) Là khoản cho Công ty CP Trồng rừng và Cây CN Đức Long Gia Lai vay theo Hợp đồng vay vốn số 118/2020/HĐCT ngày 18/3/2020 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 9%/năm. Tín chấp.

(4) Là khoản cho Công Ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku vay theo Hợp đồng vay vốn số 03/2022/HĐCT ngày 03/01/2022. Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 9%/năm. Tín chấp.

(5) Là khoản cho Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên vay theo Hợp đồng vay vốn số 02/2022/HĐCT ngày 02/01/2022. Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 9%/năm. Tín chấp.

(6) Là khoản cho bà Phạm Thị Hiền vay theo hợp đồng vay vốn số 01102022/HĐMT ngày 13/10/2022, số tiền vay 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 7%/năm. Tín chấp.

(7) Là khoản cho bà Hồ Thị Thu vay theo hợp đồng vay vốn số 01092022/HĐMT ngày 20/09/2022, số tiền vay 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 7%/năm. Tín chấp.

6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	6.603.589.041	29.013.610.959
- Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long (lãi cho vay)	6.603.589.041	2.913.610.959
- Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắk Nông (cổ tức)	-	26.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Phải thu tổ chức, cá nhân khác	46.556.003.736	18.806.454.588
- Lãi cho vay phải thu	10.598.304.744	18.417.746.410
- Tạm ứng nhân viên	453.741.740	208.500.000
- Các khoản phải thu khác	35.503.957.252	180.208.178
Cộng	53.159.592.777	47.820.065.547

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	37.035.465.912	30.317.142.624
- Công ty CP ĐT - XD Vạn Gia Long (lãi cho vay)	34.971.090.411	28.252.767.123
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ký quỹ)	2.064.375.501	2.064.375.501
Phải thu tổ chức, cá nhân khác	106.367.545.631	90.377.059.185
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai (lãi cho vay)	63.348.382.105	55.868.862.782
- Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai (lãi cho vay)	23.913.131.050	21.204.081.735
- Các đối tượng khác (lãi cho vay)	19.106.032.476	13.304.114.668
Cộng	143.403.011.543	120.694.201.809

7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		-	-		-	-
Các tổ chức và cá nhân khác		64.817.782.105	60.254.680.242		1.041.000.000	728.300.000
- Công ty TNHH MTV TM Hùng Nhân Gia Lai	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.469.400.000	796.700.000	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.041.000.000	728.300.000
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai (lãi cho vay)	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	63.348.382.105	59.457.980.242	-	-	-
Cộng		64.817.782.105	60.254.680.242		1.041.000.000	728.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(672.700.000)	(145.990.880)
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.890.401.863)	(672.700.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	145.990.880
Số cuối kỳ	(4.563.101.863)	(672.700.000)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	12.359.966.759	(14.175.598)	14.703.724.568	(14.175.598)
- Công cụ dụng cụ	256.497.522	-	1.183.118.919	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	368.918.578	-	2.205.640.753	-
- Thành phẩm ⁽²⁾	2.516.560.109	-	4.199.231.511	-
Cộng	15.501.942.968	(14.175.598)	22.291.715.751	(14.175.598)

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là các vật tư dùng sản xuất các linh kiện điện tử.⁽²⁾ Thành phẩm chủ yếu là các linh kiện điện tử các loại.**9. Chi phí trả trước ngắn và dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn****Tình hình biến động:**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu năm	452.972.565	305.890.411
- Tăng trong kỳ	3.360.445.768	1.391.238.000
- Phân bổ trong kỳ	(1.785.660.601)	(808.511.172)
Số cuối kỳ	2.027.757.732	888.617.239

Chi tiết số dư:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	574.375.514	125.880.146
- Chi phí khác	1.453.382.218	327.092.419
Cộng	2.027.757.732	452.972.565

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

9b. Chi phí trả trước dài hạn**Tình hình biến động:**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu năm	31.046.075.341	762.438.492
- Tăng từ hợp nhất công ty con trong năm đầu tiên	-	31.039.626.151
- Tăng trong kỳ	99.381.928	167.112.818
- Phân bổ trong kỳ	(1.196.301.387)	(1.276.863.126)
Số cuối kỳ	29.949.155.882	30.692.314.335

Chi tiết số dư:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	28.404.894.443	29.118.585.258
- Công cụ, dụng cụ	315.069.540	417.771.886
- Chi phí sửa chữa tài sản	1.059.833.419	1.280.478.715
- Chi phí khác	169.358.480	229.239.482
Cộng	29.949.155.882	31.046.075.341

(*) Theo các Hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Hợp đồng thuê đất số 25/HĐTĐ ngày 26/06/2020, thời gian thuê 50 năm, diện tích 15.828,60 m² (được cấp GCNQSDĐ số 159262); Hợp đồng thuê đất số 06/HĐTĐ ngày 31/01/2020, thời gian thuê 50 năm, diện tích 560.087,20 m² (được cấp GCNQSDĐ số 364963). Giá trị còn lại này của chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng được cấp GCNQSDĐ dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng (xem Thuyết minh V.21).

10. Tài sản cố định hữu hìnhChi tiết xem *Phụ lục 01* đính kèm.**11. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	589.565.000	589.565.000
2. Tăng trong kỳ	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	589.565.000	589.565.000
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	58.625.000	58.625.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	255.763.818	255.763.818
2. Tăng trong kỳ	23.650.092	23.650.092
- <i>Khấu hao</i>	23.650.092	23.650.092
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	279.413.910	279.413.910

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	333.801.182	333.801.182
2. Tại ngày cuối kỳ	310.151.090	310.151.090

12. Bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Kiốt cho thuê	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	1.891.892.974	1.891.892.974
2. Số dư cuối kỳ	1.891.892.974	1.891.892.974
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.891.892.974	1.891.892.974
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	1.891.892.974	1.891.892.974
2. Tăng trong kỳ	-	-
<i>- Khấu hao trong kỳ</i>	-	-
3. Số dư cuối kỳ	1.891.892.974	1.891.892.974
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-

Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	890.749.414	687.859.086
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	-	63.119.658
Lãi/(Lỗ) từ kinh doanh bất động sản đầu tư	890.749.414	624.739.428

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là Quyền sử dụng đất tại 97/2 Nguyễn Hữu Cánh đang trong quá trình xây dựng, được mua theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ở số 003781 vào tháng 10 năm 2021 giữa Bà Trần Thị Lan Phương với Công ty. Công ty đang thực hiện triển khai Dự án Tòa nhà văn phòng tại khu đất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

14. Đầu tư tài chính dài hạn***Giá gốc khoản đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh***

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc
- Công ty CP ĐTXD Vạn Gia Long ⁽¹⁾	Bất động sản	49%	447.578.934.010	49%	447.578.934.010
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông ⁽²⁾	Quản lý khai thác trạm thu phí đường bộ	29%	201.187.500.000	29%	201.187.500.000
Cộng			648.766.434.010		648.766.434.010

⁽¹⁾ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306050079 ngày 02/10/2008 và thay đổi lần thứ 8 ngày 16/03/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngành nghề hoạt động chính là bất động sản. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư 4.165.000 cổ phiếu, tương đương 49% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long (số đầu năm là 4.165.000 cổ phiếu, tương đương 49% vốn điều lệ).

⁽²⁾ Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400192949 ngày 03 tháng 08 năm 2010 và thay đổi lần thứ 09 ngày 27 tháng 03 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp. Ngành nghề hoạt động chính là Đầu tư xây dựng công trình giao thông. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ của Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông (số đầu năm là 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ).

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết theo phương pháp vốn chủ như sau:

	Công ty CP ĐTXD Vạn Gia Long	Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắc Nông	Cộng
<i>Giá gốc khoản đầu tư</i>			
- Số đầu năm	447.578.934.010	201.187.500.000	648.766.434.010
- Tăng giá trị đầu tư	-	-	-
- Giảm giá trị đầu tư	-	-	-
- Số cuối kỳ	447.578.934.010	201.187.500.000	648.766.434.010
<i>Phân lũy kế lãi/(lỗ) lợi nhuận sau khi mua</i>			
- Số đầu năm	696.766.070	16.555.346.416	17.252.112.486
- Phần lãi/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh trong năm	12.127.608	10.005.078.564	10.017.206.172
- Loại trừ hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu về cổ tức nhận được trong năm	-	(8.700.000.000)	(8.700.000.000)
- Số cuối kỳ	708.893.678	17.860.424.980	18.569.318.658
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Số đầu năm	448.275.700.080	217.742.846.416	666.018.546.496
Số cuối kỳ	448.287.827.688	219.047.924.980	667.335.752.668

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen (thời gian phân bổ: 10 năm)	591.831.907	-	(33.186.836)	558.645.071
- Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (thời gian phân bổ: 10 năm)	73.759.013.661	-	(4.097.722.981)	69.661.290.680
Cộng	74.350.845.568	-	(4.130.909.817)	70.219.935.751

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan	5.249.881.480	4.597.433.474
- Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	2.466.600.000	1.540.000.000
- Ansen Electronics Company	2.783.281.480	3.057.433.474
Phải trả ngắn hạn cho các nhà cung cấp khác	12.189.969.155	20.299.450.198
- Công ty TNHH Nhựa Kỹ thuật Sakura	1.345.823.771	6.080.875.935
- Công ty TNHH CNS Amura Precision	1.272.496.821	3.539.872.623
- Các đối tượng khác	9.571.648.563	10.678.701.640
Cộng	17.439.850.635	24.896.883.672

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	910.478.696	-	8.586.072.697	(7.794.317.111)	1.702.234.282	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	224.322.267	(224.322.267)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.406.959.692	-	1.482.313.102	(300.000.000)	6.589.272.794	-
- Thuế thu nhập cá nhân	34.198.521	-	337.037.993	(330.140.865)	41.095.649	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.137.285.601	-	796.099.920	(481.273.000)	1.452.112.521	-
- Phí, lệ phí, phải nộp khác	17.059.284	-	53.680.653	(70.679.937)	60.000	-
Cộng	7.505.981.794	-	11.479.526.632	(9.200.733.180)	9.784.775.246	-

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 10% và 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.496.590.374	38.240.394.671
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.712.605.012	8.253.162.948
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	3.581.695.195	4.122.253.131
+ Phân bổ lợi thế thương mại	4.130.909.817	4.130.909.817
- Các khoản điều chỉnh giảm	(10.017.206.172)	(11.588.629.414)
+ Phần lãi trong công ty liên doanh liên kết	(10.017.206.172)	(11.588.629.414)
Thu nhập chịu thuế	41.191.989.214	34.904.928.205
Thu nhập được miễn thuế	(33.107.147.848)	(33.182.381.416)
Chuyển lỗ	-	(342.444.562)
Thu nhập tính thuế	8.084.841.366	1.380.102.227
Thu nhập tính thuế theo thuế suất 10%	1.346.551.704	-
Thu nhập tính thuế theo thuế suất 20%	6.738.289.662	1.380.102.227
Thuế TNDN phải nộp theo thu nhập tính thuế	1.482.313.102	276.020.445
Tổng Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	1.482.313.102	276.020.445

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	37.696.438.358	25.200.000.000
- Chi phí quản lý vận hành đường dây truyền tải điện	9.256.914.042	9.407.969.660
- Chi phí thuê nhà xưởng	6.200.000.000	5.300.000.000
Cộng	53.153.352.400	39.907.969.660

19. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	233.709.000	328.600.000
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN phải nộp	410.864.549	302.436.293
- Phải trả khác	2.694.534.946	741.263.692
Cộng	3.339.108.495	1.372.299.985

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

19b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	11.814.000.000	11.892.000.000
Công ty TNHH Mass Noble Investments	11.814.000.000	11.892.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	200.000.000	200.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	200.000.000	200.000.000
Cộng	12.014.000.000	12.092.000.000

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**Tình hình biến động các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn như sau:**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay phát sinh tăng do chênh lệch tỷ giá	Bù trừ Chi phí - Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
- Vay ngắn hạn và dài hạn Ngân hàng, tổ chức, cá nhân	1.119.688.283.740	104.895.730.518	287.305.250	-	(108.814.185.288)	1.116.057.134.220
- Phát hành trái phiếu	400.000.000.000	-	-	-	-	400.000.000.000
Cộng	1.519.688.283.740	104.895.730.518	287.305.250	-	(108.814.185.288)	1.516.057.134.220

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phát hành trái phiếu ⁽¹⁾	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thủ Đức (USD) ⁽²⁾	51.720.708.200 (#2.173.139 USD)	51.720.708.200 (#2.173.139 USD)	40.110.372.720 (#1.621.900 USD)	40.110.372.720 (#1.621.900 USD)
- Ngân hàng TMCP Phương Đông ⁽³⁾	29.717.802.000	29.717.802.000	56.959.287.000	56.959.287.000
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư Hướng Việt ⁽⁴⁾	18.000.000.000	18.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
- Hồ Thị Mỹ Trinh ⁽⁵⁾	17.999.999.980	17.999.999.980	9.999.999.980	9.999.999.980
Cộng	517.438.510.180	517.438.510.180	521.069.659.700	521.069.659.700

⁽¹⁾ Đây là các khoản huy động vốn bằng việc phát hành trái phiếu riêng lẻ theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam bao gồm 2 (hai) Trái phiếu với tổng mệnh giá là 400.000.000.000 đồng, chi tiết:

- Trái phiếu DL1H2122001 với tổng giá trị là 200.000.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 16 tháng 12 năm 2022 và Trái phiếu DL1H2122002 với tổng giá trị là 200.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 28 tháng 12 năm 2022. Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 15/08/2023 về việc tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản, mục đích thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dừng Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2022 ngày 22/04/2022 của Công ty.
- Lãi suất 8%/năm, lãi vay được thanh toán theo kỳ hạn trả nợ lãi là 6 tháng/lần. Loại trái phiếu: không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không tài sản đảm bảo.
- Mục đích phát hành trái phiếu là tăng quy mô vốn hoạt động và thực hiện chương trình, dự án đầu tư của công ty, cụ thể như sau:
 - + Mua tối đa 10.000.000 cổ phần của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai: 300.000.000.000 đồng.
 - + Bổ sung vốn lưu động: tối đa 100.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Chi tiết số dư như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá trị trái phiếu phát hành bằng mệnh giá	400.000.000.000	400.000.000.000
Trong đó:		
+ Hồ Minh Thành	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Trần Văn Phương	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Hoàng Thị Kim Hiếu	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Nguyễn Thị Lệ Hòa	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Nguyễn Thị Út	80.000.000.000	80.000.000.000
Giá trị còn lại	400.000.000.000	400.000.000.000

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thủ Đức theo Hợp đồng vay số 047/2021-HĐCVHM/NHCT947-ANSEN ngày 23/06/2021 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 012/2021-HĐCV-SDBS01/NHCT947-ANSEN ngày 30/09/2021:

- Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 đồng;
- Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đến ngày bên vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay;
- Thời hạn vay được ghi nhận trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng;
- Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ;
- Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tài sản đảm bảo: Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phường Bình Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Hồ Hải Đăng theo Hợp đồng thế chấp số 154/2021/HĐBD/NHCT947 ngày 21/06/2021.

(3) Là khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Phương Đông đến hạn trả (xem tại Thuyết minh V.21b).

(4) Là khoản vay Công ty CP Tư vấn Đầu tư Hướng Việt theo hợp đồng số 05/2022/HDV/HVH-DLGNT ngày 30/12/2022, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 10%/năm. Tín chấp.

(5) Là khoản vay Hồ Thị Mỹ Trinh theo hợp đồng số 03/2022/HDV/DMTDLGNT – HTMT ngày 01/12/2022, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 10%/năm. Tín chấp.

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả cho các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác	998.618.624.040	998.618.624.040	998.618.624.040	998.618.624.040
Ngân hàng TMCP Phương Đông ⁽¹⁾	638.618.624.040	638.618.624.040	638.618.624.040	638.618.624.040
Nguyễn Thanh Lâm ⁽²⁾	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Nguyễn Tường Cột ⁽³⁾	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Đặng Vũ Bình ⁽⁴⁾	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Võ Thị Thu Hằng ⁽⁵⁾	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Nguyễn Tuấn Vũ ⁽⁶⁾	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	998.618.624.040	998.618.624.040	998.618.624.040	998.618.624.040

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00009/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 08/08/2019 và Hợp đồng tín dụng số 00010/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 08/08/2019, thời hạn vay 144 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay: phục vụ hoạt động đầu tư xây dựng nhà máy điện mặt trời Thuận Nam Đức Long (gọi tắt là “Dự án”).

Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị của Dự án (xem Thuyết minh V.10) và GCNQSDĐ số 364963 với diện tích 560.087,2 m², GCNQSDĐ số 159262 với diện tích 15.828,6 m², chi tiết giá trị bồi thường giải phóng mặt bằng (xem Thuyết minh V.9).

(2) Là khoản vay của ông Nguyễn Thanh Lâm theo Hợp đồng số 01/HĐMT ngày 12 tháng 10 năm 2021 và các phụ lục kèm theo. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay: 7%/năm. Tín chấp.

(3) Là khoản vay của ông Nguyễn Tường Cột theo Hợp đồng số 05/HĐMT ngày 29 tháng 10 năm 2021 và các phụ lục kèm theo. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay: 7%/năm. Tín chấp.

(4) Là khoản vay của ông Đặng Vũ Bình theo Hợp đồng số 03/HĐMT ngày 21 tháng 10 năm 2021 và các phụ lục kèm theo. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay: 7%/năm. Tín chấp.

(5) Là khoản vay của bà Võ Thị Thu Hằng theo Hợp đồng số 04/HĐMT ngày 28 tháng 10 năm 2021 và các phụ lục kèm theo. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay: 7%/năm. Tín chấp.

(6) Là khoản vay của ông Nguyễn Tuấn Vũ theo Hợp đồng số: 02/HĐMT ngày 20 tháng 10 năm 2021 và các phụ lục kèm theo. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay: 7%/năm. Tín chấp.

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Chi tiết xem **Phụ lục 02** đính kèm.**21b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.062.360.940.000	1.011.773.530.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ (tăng từ chia cổ tức bằng cổ phiếu)	-	50.587.410.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.062.360.940.000	1.062.360.940.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	106.236.094	106.236.094
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	106.236.094	106.236.094
- Cổ phiếu phổ thông	106.236.094	106.236.094
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	106.236.094	106.236.094
- Cổ phiếu phổ thông	106.236.094	106.236.094
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu bán linh kiện điện tử	39.918.499.527	45.198.952.310
- Doanh thu bến bãi	5.525.307.943	4.285.630.739
- Doanh thu bán điện mặt trời	90.885.063.257	85.536.504.673
- Doanh thu vận chuyển và khác	455.722.508	105.101.202
Cộng	136.784.593.235	135.126.188.924

Trong đó giá trị giao dịch với các bên liên quan năm nay là 40.055.965.553 đồng (năm trước là 45.346.893.419 đồng) (xem chi tiết tại Thuyết minh VII.2).

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn linh kiện điện tử đã bán	36.217.635.877	42.583.248.599
- Giá vốn bến bãi	1.954.046.083	2.642.392.621
- Giá vốn bán điện mặt trời	27.021.460.285	27.607.239.515
- Giá vốn vận chuyển và khác	539.081.262	267.246.897
Cộng	65.732.223.507	73.100.127.632

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi và lãi cho vay	35.211.576.438	41.397.546.228
- Doanh thu tài chính khác	1.181.472.973	598.190.581
Cộng	36.393.049.411	41.995.736.809

4. Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí lãi vay	56.047.927.435	64.243.740.240
- Chi phí tài chính khác	593.313.289	1.115.287.234
Cộng	56.641.240.724	65.359.027.474

5. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân công	286.758.369	361.992.693
- Các chi phí bán hàng khác	289.459.472	379.199.093
Cộng	576.217.841	741.191.786

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên quản lý	5.474.145.536	3.400.610.098
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	587.216.377	596.688.348
- Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu quá hạn, khó đòi	3.890.401.863	374.509.120
- Phân bổ lợi thế thương mại	4.130.909.817	4.130.909.817
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.594.173.948	2.006.614.494
Cộng	16.676.847.541	10.509.331.877

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	27.232.980.967	22.888.559.284
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.232.980.967	22.888.559.284
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	106.236.094	106.236.094
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	256	215

8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	27.232.980.967	22.888.559.284
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	27.232.980.967	22.888.559.284
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	106.236.094	106.236.094
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phát hành thêm sau ngày cuối năm (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	256	215

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.535.474.583	41.586.583.578
- Chi phí nhân công	11.657.430.940	11.293.622.232
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.394.212.135	26.546.127.482
- Phân bổ lợi thế thương mại	4.130.909.817	4.130.909.817
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	12.846.441.437	6.530.124.092
Cộng	79.564.468.912	90.087.367.201

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Tập đoàn không có khoản nợ tiềm tàng nào sẽ phát sinh tính đến thời điểm phát hành báo cáo này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
- Ông Nguyễn Đình Trạc	Tổng Giám đốc	90.000.000	90.000.000
- Ông Chu Sỹ Hoạt	Phó Giám đốc	65.940.000	65.940.000
- Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc	67.140.000	67.140.000
- Bà Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	87.000.000	56.975.000
Cộng		310.080.000	280.055.000

Trong năm, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty TNHH Global Capital	Cổ đông lớn của Công ty (chiếm 17,00% vốn điều lệ)
2. Ông Bùi Pháp	Cổ đông lớn của Công ty (chiếm 24,01% vốn điều lệ)
3. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	Công ty liên kết (Công ty nắm giữ 49% vốn điều lệ)
4. Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắc Nông ("BOT Đắc Nông")	Công ty liên kết (Công ty nắm giữ 29% vốn điều lệ)
5. Ông Đặng Công Bình	Người đại diện theo pháp luật (Giám đốc) của Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen (miễn nhiệm từ ngày 05/07/2023)
6. Ông Nguyễn Thanh Lâm	Người đại diện theo pháp luật (Giám đốc) của Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen (bổ nhiệm từ ngày 06/07/2023)
7. Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai ("DLG")	Chung cổ đông lớn (Bùi Pháp)
8. Chi nhánh Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai – Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Chi nhánh trực thuộc DLG
9. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai ("Xây dựng DLGL")	Công ty là cổ đông lớn của Xây dựng DLGL
10. Công ty TNHH Đức Long Dung Quất ("Đức Long Dung Quất")	Xây dựng DLGL là cổ đông lớn của Đức Long Dung Quất; Công ty là cổ đông lớn của Xây dựng DLGL
11. Công ty TNHH Mass Noble Investments Limited	Cùng thành viên chủ chốt với Công ty (Nguyễn Đình Trạc)
12. Ansen Electronics Company	Công ty TNHH Mass Noble

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Bên liên quan	Mối quan hệ
13. Công ty CP DV Đức Long Gia Lai	Investments Limited là công ty chi phối hoạt động kinh doanh của Ansen Electronics Company Có chung người chủ chốt với Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen (ông Đặng Công Bình)

Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ này	Kỳ trước
1. Công ty TNHH Global Capital	Không phát sinh		
2. Ông Bùi Pháp	Không phát sinh		
3. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	DLG Ninh Thuận cho vay	13.300.000.000	39.400.000.000
	DLG Ninh Thuận ghi nhận lãi cho vay	3.689.978.082	7.315.824.658
4. Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắk Nông	Không phát sinh		
5. Ông Đặng Công Bình	Không phát sinh		
6. Ông Nguyễn Thanh Lâm	Không phát sinh		
7. Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Thuê ki ốt	580.800.000	480.000.000
	Thuê xe buýt	-	288.000.000
	Thuê mái nhà	132.000.000	-
	Cho thuê xe	60.000.000	-
8. Chi Nhánh Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai – Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Cung cấp điện mặt trời	77.466.026	147.941.109
9. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Không phát sinh		
10. Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Không phát sinh		
11. Công ty TNHH Mass Noble Investments Limited	Không phát sinh		
12. Ansen Electronics Company	Bán hàng	39.918.499.527	45.198.952.310
	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	11.699.312.829	16.241.412.890
	Mua tài sản cố định	2.185.621.336	
13. Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai	Không phát sinh		

*Ghi chú: Các giá trị giao dịch mua bán trên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.***Số dư cuối kỳ các bên liên quan**

Xem tại các mục thuyết minh V.3, V.4, V.5, V.6, V.16, V.19.

3. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tập đoàn dùng tài sản của Tập đoàn (Công trình mở rộng bến xe Đức Long Gia Lai tại đường Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai (xem Thuyết minh V.10)) để đảm bảo thanh toán cho các khoản phát hành trái phiếu ngày 31/12/2014 của bên thứ 3 (Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai - chung cổ đông lớn). Khoản bảo lãnh này đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua theo Biên bản họp số 08/BB-HĐQT ngày 05/12/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Tài sản đảm bảo của bên thứ ba

Tập đoàn được bên thứ 3 (ông Hồ Hải Đăng) bảo lãnh cho khoản vay của Tập đoàn bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phường Bình Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh (xem Thuyết minh V.20).

4. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Kỳ này	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Bán linh kiện điện tử	39.918.499.527	36.217.635.877	3.700.863.650
Dịch vụ bến bãi	5.525.307.943	1.954.046.083	3.571.261.860
Điện mặt trời	90.885.063.257	27.021.460.285	63.863.602.972
Dịch vụ vận chuyển và khác	455.722.508	539.081.262	(83.358.754)
Cộng	136.784.593.235	65.732.223.507	71.052.369.728

Kỳ trước	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Bán linh kiện điện tử	45.198.952.310	42.583.248.599	2.615.703.711
Dịch vụ bến bãi	4.285.630.739	2.642.392.621	1.643.238.118
Điện mặt trời	85.536.504.673	27.607.239.515	57.929.265.158
Dịch vụ vận chuyển và khác	105.101.202	267.246.897	(162.145.695)
Cộng	135.126.188.924	73.100.127.632	62.026.061.292

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2022 ngày 22/04/2022 phê duyệt Phương án hoán đổi khoản nợ 760.000.000.000 đồng (trong đó nợ phát hành trái phiếu 400.000.000.000 đồng, nợ vay dài hạn 360.000.000.000 đồng) thành cổ phần, với tỷ lệ hoán đổi là 10.000 đồng nợ thành 1 cổ phần.

Đến nay, Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 15/08/2023 về việc tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản, mục đích thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dừng Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2022 ngày 22/04/2022 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo (hợp nhất) này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

TP. Thủ Đức, ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, P. Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Phụ lục số 1

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1. Số dư đầu năm	96.018.811.284	843.100.100.972	10.178.490.602	2.688.766.770	951.986.169.628
2. Tăng trong kỳ	-	2.416.821.336	-	-	2.416.821.336
- Tăng mua mới trong kỳ	-	2.416.821.336	-	-	2.416.821.336
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	96.018.811.284	845.516.922.308	10.178.490.602	2.688.766.770	954.402.990.964
Trong đó: TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	686.558.260	330.376.411	3.203.035.064	303.360.000	4.523.329.735
II Giá trị hao mòn lũy kế					
1 Số dư đầu năm	27.399.221.140	132.946.996.805	7.764.149.519	1.319.323.219	169.429.690.683
2. Tăng trong kỳ	2.464.001.195	22.304.002.730	469.593.564	132.964.554	25.370.562.043
- Khấu hao trong kỳ	2.464.001.195	22.304.002.730	469.593.564	132.964.554	25.370.562.043
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	29.863.222.335	155.250.999.535	8.233.743.083	1.452.287.773	194.800.252.726
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	68.619.590.144	710.153.104.167	2.414.341.083	1.369.443.551	782.556.478.945
2. Tại ngày cuối kỳ (*)	66.155.588.949	690.265.922.773	1.944.747.519	1.236.478.997	759.602.738.238

(*) Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình thể chấp cho khoản vay của Tập đoàn là 709.940.395.392 đồng (xem Thuyết minh V.21); bảo lãnh cho các khoản phát hành trái phiếu của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (chung cổ đông lớn) là 3.642.606.654 đồng (Xem tại mục VII.3).

Người lập biểu/Kế toán trưởng



HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

TP. Thủ Đức, ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Tổng Giám Đốc



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghiệp Cao, P. Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Phụ lục số 2

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (*)	Cộng
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023						
Tại ngày 01/01/2022	1.011.773.530.000	1.049.485.820	663.498.805	138.099.057.979	-	1.151.585.572.604
Tăng trong kỳ	50.587.410.000	-	-	24.115.559.284	135.121.355.319	209.824.324.603
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	22.888.559.284	13.075.814.942	37.964.374.226
- Tăng từ phân chia cổ tức bằng cổ phiếu	50.587.410.000	-	-	-	-	50.587.410.000
- Tăng do hợp nhất công ty con năm đầu tiên	-	-	-	-	-	-
- Tăng do thay đổi tỷ lệ lợi ích	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.227.000.000	-	1.227.000.000
- Phân chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	(63.349.274.618)	-	(63.349.274.618)
- Chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư	-	-	-	(50.587.410.000)	-	(50.587.410.000)
Tại ngày 30/06/2022	1.062.360.940.000	1.049.485.820	663.498.805	98.865.342.645	135.121.355.319	1.298.060.622.589
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023						
Tại ngày 01/01/2023	1.062.360.940.000	1.049.485.820	663.498.805	121.278.789.893	141.615.823.521	1.326.968.538.039
Tăng trong năm	-	-	-	27.232.980.967	14.781.296.305	42.014.277.272
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	27.232.980.967	14.781.296.305	42.014.277.272
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	1.062.360.940.000	1.049.485.820	663.498.805	148.511.770.860	156.397.119.826	1.368.982.815.311

(*) Tình hình tăng giảm Lợi ích cổ đông không kiểm soát cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023:

	Tại ngày 01/01/2023	Lãi/(Lỗ) từ KQKD trong năm	Tại ngày 30/06/2023
Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	141.615.823.521	14.781.296.305	156.397.119.826
Cộng	141.615.823.521	14.781.296.305	156.397.119.826

Người lập biểu/Kế toán trưởng

(Chữ ký)

HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

TP. Thủ Đức, ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Giám đốc

